

Số: 5058/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 2

Gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 10099/QĐ-BVĐKBN2 ngày 31/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt dự toán thu- chi năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 9868/QĐ-BVĐKBN2 ngày 24/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-BVĐKBN2 ngày 22/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, số lượng,

yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-BVĐKBN2 ngày 05/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt giá gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-BVĐKBN2 ngày 11/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BVĐKBN2 ngày 26/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt E-hồ sơ mời thầu gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-hồ sơ dự thầu lần 2 ngày 26/05/2026 của Tổ chuyên gia gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lần 2 của Tổ thẩm định ngày 02/06/2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 2 của gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600064689-00
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027
- Giá gói thầu: 63.996.228.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, xét theo từng phần của gói thầu qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Mã phần lô	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do loại nhà thầu
PP2600066587: Bộ khớp gói toàn phần cố định có trục cam chống trượt				
		Công ty Cổ phần Công nghệ y tế Châu Thành	0105794550	Không đạt về kỹ thuật
		Công ty Cổ phần Vật tư y tế NHN	0106147281	Không đạt về kỹ thuật

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu được nêu tại Bảng số 01

Điều 2. Hủy thầu

STT	Phần (lô)	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá dự toán (VND)	Lý do hủy thầu
1	Phần (lô) 04	PP2600066587	Bộ khớp gói toàn phần cố định có trục cam chống trượt	988.000.000	E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
2	Phần (lô) 14	PP2600066595	Khung cố định ngoại vi	116.928.000	Không có nhà thầu tham dự

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Tài chính kế toán, phòng Vật tư căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng phòng vật tư và các nhà thầu trúng thầu căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh BN, SYT BN;
- Lưu: VT, Tổ chuyên gia.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC 1: Thông tin về nhà thầu trúng thầu

(Đính kèm Quyết định số 5058/QĐ-BVĐKBN2 ngày 03/06/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 2)

Mã phần lô	Tên phần lô	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
PP2600066592	Các loại nẹp và vít khóa	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	0101384017	4.628.200.000	4.626.100.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066593	Các loại nẹp và vít thường	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	0101384017	2.091.100.000	2.090.800.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
PP2600066594	Chi thép, đinh Kirschner	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	0101384017	240.000.000	240.000.000	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

(Đính kèm Quyết định số 5058/QĐ-BVĐKBN2 ngày 03/06/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng lần 2)

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
1	PP2600066592: Các loại nẹp và vít khóa														4.626.100.000
1.1			Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	Nẹp khóa mặt sau ngoài đầu dưới xương cánh tay; Nẹp khóa mặt trong đầu dưới xương cánh tay số 2	A9248207; A9248107 A10152792 06; A10152791 06; A10152792 08; A10152791 08	A9248207; A9248107 A10152792 06; A10152791 06; A10152792 08; A10152791 08	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ - Phân biệt trái/ phải, có 02 loại: mặt trong, mặt ngoài. - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 8 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	30	9021	2.600.000	78.000.000
1.2			Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương cánh tay số 1	A1620904; A1620905; A1620906; A1620907; A1620908	A1620904; A1620905; A1620906; A1620907; A1620908	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ - Số lỗ trên thân từ 4 lỗ đến 8 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và	Cái	60	9021	3.160.000	189.600.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
										xuất xứ: châu Âu.					
1.3			Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương chày số 1; Nẹp khóa nẹp đầu dưới mặt trong xương chày số 2; Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương chày số 1	A1272905; A1261905; A1272907; A1261907; A1272909; A1261909; A1272911; A1261911; A1412906; A1401906; A1412908; A1401908; A1412910; A1401910; A1412912; A1401912; A1392906; A1381906; A1392908; A1381908; A1392910; A1381910; A1392912; A1381912	A1272905; A1261905; A1272907; A1261907; A1272909; A1261909; A1272911; A1261911; A1412906; A1401906; A1412908; A1401908; A1412910; A1401910; A1412912; A1401912; A1392906; A1381906; A1392908; A1381908; A1392910; A1381910; A1392912; A1381912	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ - Phân biệt trái/ phải, có 03 loại: mặt ngoài, mặt trong và mặt trong không vít mắt cá. - Số lỗ trên thân từ 5 lỗ đến 12 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	100	9021	4.800.000	480.000.000
1.4			Nẹp khóa đầu trên xương chày	Nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày số 1	A1472905; A1461905; A1472907; A1461907; A1472909; A1461909	A1472905; A1461905; A1472907; A1461907; A1472909; A1461909	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET	- Chất liệu: thép không gỉ. - Phân biệt trái/ phải. - Số lỗ trên thân từ 5 lỗ	Cái	160	9021	4.800.000	768.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
									LIMITED SIRKETI	đến 10 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.					
1.5			Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Nẹp khóa đầu dưới mặt bên xương đùi số 1	A1452905; A1441905; A1452907; A1441907; A1452909; A1441909; A1452911; A1441911	A1452905; A1441905; A1452907; A1441907; A1452909; A1441909; A1452911; A1441911	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ - Phân biệt trái/ phải. - Số lỗ trên thân từ 5 lỗ đến 12 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	100	9021	4.800.000	480.000.000
1.6			Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương đùi số 2	A1130902; A1120902; A1130904; A1120904; A1130906; A1120906; A1130908; A1120908; A1130910; A1120910	A1130902; A1120902; A1130904; A1120904; A1130906; A1120906; A1130908; A1120908; A1130910; A1120910	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: thép không gỉ. - Phân biệt trái/ phải - Số lỗ trên thân từ 2 lỗ đến 12 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	160	9021	4.800.000	768.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
1.7			Nẹp khóa xương đòn	Nẹp khóa nén ép xương đòn; Nẹp khóa nén ép móc xương đòn	A1042906; A1031906; A1042907; A1031907; A1042908; A1031908; A26009132; A26009131; A26009142; A26009141; A26009152; A26009151; A26009162; A26009161; A26009172; A26009171	A1042906; A1031906; A1042907; A1031907; A1042908; A1031908; A26009132; A26009131; A26009142; A26009141; A26009152; A26009151; A26009162; A26009161; A26009172; A26009171	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: thép không gỉ. - Phân biệt trái/ phải, 02 loại: có móc và không có móc. - Số lỗ trên thân từ 3 đến 8 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	20	9021	4.170.000	83.400.000
1.8			Nẹp khóa xương gót	Nẹp khóa gót chân số 4	A5969101; A5969100	A5969101; A5969100	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: thép không gỉ. - Phân biệt trái/ phải, loại không có móc. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	10	9021	2.550.000	25.500.000
1.9			Vít khóa đường kính 2.7mm	Vít khóa tự taro đk 2.7mm	A1992706; A1992708; A1992710; A1992712; A1992714; A1992716;	A1992706; A1992708; A1992710; A1992712; A1992714; A1992716;	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE	- Chất liệu: thép không gỉ. - Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường	Cái	540	9021	290.000	156.600.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
					A1992718; A1992720; A1992722; A1992724; A1992726; A1992728; A1992730; A1992732; A1992734; A1992736; A1992738; A1992740	A1992718; A1992720; A1992722; A1992724; A1992726; A1992728; A1992730; A1992732; A1992734; A1992736; A1992738; A1992740			TICARET LIMITED SIRKETI	Kính 2.7mm. - Chiều dài từ 6mm đến 40mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.					
1.10			Vít khóa đường kính 3.5mm	Vít khóa tự taro đk 3.5mm	A1993514; A1993516; A1993518; A1993520; A1993522; A1993524; A1993526; A1993528; A1993530; A1993532; A1993534; A1993536; A1993538; A1993540; A1993542; A1993544; A1993546; A1993548; A1993550; A1993555; A1993560	A1993514; A1993516; A1993518; A1993520; A1993522; A1993524; A1993526; A1993528; A1993530; A1993532; A1993534; A1993536; A1993538; A1993540; A1993542; A1993544; A1993546; A1993548; A1993550; A1993555; A1993560	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ. - Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường kính 3.5mm . - Chiều dài từ 14 đến 60mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	300	9021	290.000	87.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
1.11			Vít khóa đường kính 5.0mm	Vít khóa tự taro đk 5.0mm	A2095024; A2095026; A2095028; A2095030; A2095032; A2095034; A2095036; A2095038; A2095040; A2095042; A2095044; A2095046; A2095048; A2095050; A2095055; A2095060; A2095065; A2095070; A2095075; A2095080; A2095085; A2095090	A2095024; A2095026; A2095028; A2095030; A2095032; A2095034; A2095036; A2095038; A2095040; A2095042; A2095044; A2095046; A2095048; A2095050; A2095055; A2095060; A2095065; A2095070; A2095075; A2095080; A2095085; A2095090	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ. - Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường kính 5.0mm . - Chiều dài từ 25 đến 90mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	3120	9021	375.000	1.170.000.000
1.12			Vít xóp khóa rộng nòng	Vít khóa rộng nòng đk 7.3mm	A6696050; A6696055; A6696060; A6696065; A6696070; A6696075; A6696080; A6696085; A6696090	A6696050; A6696055; A6696060; A6696065; A6696070; A6696075; A6696080; A6696085; A6696090	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ. - Xóp, khóa, rộng nòng - Đường kính thân vít 7.3mm. - Chiều dài từ 45 đến 90mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ:	Cái	500	9021	680.000	340.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản châu Âu.	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
2	PP2600066593: Các loại nẹp và vít thường														2.090.800.000
2.1			Nẹp bán hẹp	Nẹp nén ép bán hẹp, vít 4.5/6.5mm	A100 02 151 0006; A100 02 151 0007; A100 02 151 0008; A100 02 151 0009; A100 02 151 0010; A100 02 151 0011; A100 02 151 0012	A100 02 151 0006; A100 02 151 0007; A100 02 151 0008; A100 02 151 0009; A100 02 151 0010; A100 02 151 0011; A100 02 151 0012	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Nẹp rộng 12mm . - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 12 lỗ. - Khoảng cách giữa các lỗ: 16.0mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	360	9021	840.000	302.400.000
2.2			Nẹp bán nhỏ	Nẹp DCP bán nhỏ, vít 3.5mm	A100 02 171 0006; A100 02 171 0007; A100 02 171 0008; A100 02 171 0009; A100 02 171 0010	A100 02 171 0006; A100 02 171 0007; A100 02 171 0008; A100 02 171 0009; A100 02 171 0010	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Nẹp rộng 10mm . - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 10 lỗ. - Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm . - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ:	Cái	360	9021	600.000	216.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản châu Âu.	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
2.3			Nẹp bàn rộng	Nẹp nén ép bàn rộng, vít 4.5/6.5m m	A100 02 161 0006; A100 02 161 0007; A100 02 161 0008; A100 02 161 0009; A100 02 161 0010; A100 02 161 0011; A100 02 161 0012	A100 02 161 0006; A100 02 161 0007; A100 02 161 0008; A100 02 161 0009; A100 02 161 0010; A100 02 161 0011; A100 02 161 0012	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Nẹp rộng 16mm. - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 12 lỗ. - Khoảng cách giữa các lỗ: 18.0mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	240	9021	1.080.000	259.200.000
2.4			Nẹp chữ T 3 lỗ đầu dùng cho vít 3.5mm	Nẹp chữ T vít 3.5mm, 3 lỗ đầu	A300 02 079 003; A300 02 079 004; A300 02 079 005	A300 02 079 003; A300 02 079 004; A300 02 079 005	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Đầu chữ T có 3 lỗ. - Số lỗ trên thân từ 3 lỗ đến 5 lỗ. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	180	9021	760.000	136.800.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
2.5			Nẹp lòng máng	Nẹp lòng máng 1/3	A100 02 181 0006; A100 02 181 0007; A100 02 181 0008	A100 02 181 0006; A100 02 181 0007; A100 02 181 0008	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Nẹp dày 1.0mm. - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 8 lỗ. - Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm . - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	120	9021	545.000	65.400.000
2.6			Nẹp mắt xích	Nẹp mắt xích thẳng, vít 3.5mm	A100 02 220 0006; A100 02 220 0007; A100 02 220 0008	A100 02 220 0006; A100 02 220 0007; A100 02 220 0008	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Dạng mắt xích, độ dày 3mm. - Số lỗ trên thân từ 6 lỗ đến 8 lỗ. - Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm . - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	240	9021	950.000	228.000.000
2.7			Vít xóp	Vít	A100 03	A100 03	2024	TURKEY	AYSAM	- Chất liệu:	Cái	300	9021	200.000	60.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
			đường kính 4.0mm	xương xóp đk 4.0mm, ren ngắn	021 0200; A100 03 021 0220; A100 03 021 0240; A100 03 021 0260; A100 03 021 0280; A100 03 021 0300; A100 03 021 0350; A100 03 021 0400; A100 03 021 0450; A100 03 021 0500; A100 03 021 0550; A100 03 021 0600	021 0200; A100 03 021 0220; A100 03 021 0240; A100 03 021 0260; A100 03 021 0280; A100 03 021 0300; A100 03 021 0350; A100 03 021 0400; A100 03 021 0450; A100 03 021 0500; A100 03 021 0550; A100 03 021 0600	- 2025		ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	thép không gỉ - Tạo ren 1 phần, đường kính vít 4.0mm. - Mũ vít hình lục giác. - Chiều dài từ 10mm đến 70mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.					
2.8			Vít xóp đường kính 6.5mm	Vít xương xóp đk 6.5mm, ren 32mm	A100 03 226 0500; A100 03 226 0550; A100 03 226 0600; A100 03 226 0650; A100 03 226 0700; A100 03 226 0750; A100 03 226 0800; A100 03 226 0850; A100 03	A100 03 226 0500; A100 03 226 0550; A100 03 226 0600; A100 03 226 0650; A100 03 226 0700; A100 03 226 0750; A100 03 226 0800; A100 03 226 0850; A100 03	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Chất liệu: thép không gỉ - Tạo ren 1 phần, đường kính vít 6.5mm. - Mũ vít hình lục giác - Chiều dài 32mm đến 140mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và	Cái	400	9021	190.000	76.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
					226 0900; A100 03 226 0950; A100 03 226 1000; A100 03 226 1050	226 0900; A100 03 226 0950; A100 03 226 1000; A100 03 226 1050				xuất xứ: châu Âu.					
2.9			Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Vít xương cứng đường kính 3.5mm, bước ren 1.25mm	A100 03 218 0100; A100 03 218 0120; A100 03 218 0140; A100 03 218 0160; A100 03 218 0180; A100 03 218 0200; A100 03 218 0220; A100 03 218 0240; A100 03 218 0260; A100 03 218 0280; A100 03 218 0300; A100 03 218 0320; A100 03 218 0340; A100 03 218 0360; A100 03 218 0380; A100 03	A100 03 218 0100; A100 03 218 0120; A100 03 218 0140; A100 03 218 0160; A100 03 218 0180; A100 03 218 0200; A100 03 218 0220; A100 03 218 0240; A100 03 218 0260; A100 03 218 0280; A100 03 218 0300; A100 03 218 0320; A100 03 218 0340; A100 03 218 0360; A100 03 218 0380; A100 03	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Mũ vít hình lục giác - Đường kính: 3.5mm. - Chiều dài 8mm đến 70mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	4000	9021	83.000	332.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
					218 0400; A100 03 218 0420; A100 03 218 0440; A100 03 218 0460; A100 03 218 0480; A100 03 218 0500; A100 03 218 0520; A100 03 218 0540; A100 03 218 0560; A100 03 218 0580; A100 03 218 0600	218 0400; A100 03 218 0420; A100 03 218 0440; A100 03 218 0460; A100 03 218 0480; A100 03 218 0500; A100 03 218 0520; A100 03 218 0540; A100 03 218 0560; A100 03 218 0580; A100 03 218 0600									
2.10			Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Vít xương cứng đk 4.5mm, tự taro	A100 03 223 0140; A100 03 223 0160; A100 03 223 0180; A100 03 223 0200; A100 03 223 0220; A100 03 223 0240; A100 03 223 0260; A100 03 223 0280; A100 03 223 0300; A100 03	A100 03 223 0140; A100 03 223 0160; A100 03 223 0180; A100 03 223 0200; A100 03 223 0220; A100 03 223 0240; A100 03 223 0260; A100 03 223 0280; A100 03 223 0300; A100 03	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ - Mũ vít hình lục giác - Đường kính: 4.5mm . - Chiều dài 12mm đến 90mm. - Đáp ứng điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: châu Âu.	Cái	5000	9021	83.000	415.000.000

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng	
					223 0320; A100 03 223 0340; A100 03 223 0360; A100 03 223 0380; A100 03 223 0400; A100 03 223 0420; A100 03 223 0440; A100 03 223 0460; A100 03 223 0480; A100 03 223 0500; A100 03 223 0520; A100 03 223 0540; A100 03 223 0560; A100 03 223 0580; A100 03 223 0600; A100 03 223 0650; A100 03 223 0700	223 0320; A100 03 223 0340; A100 03 223 0360; A100 03 223 0380; A100 03 223 0400; A100 03 223 0420; A100 03 223 0440; A100 03 223 0460; A100 03 223 0480; A100 03 223 0500; A100 03 223 0520; A100 03 223 0540; A100 03 223 0560; A100 03 223 0580; A100 03 223 0600; A100 03 223 0650; A100 03 223 0700										
3	PP2600066594: Chỉ thép, đinh Kirschner														240.000.000	

STT	Mã phần lô	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá trúng thầu	Tổng cộng
3.1			Chi thép	Chi thép	A400 03 011 0722; A400 03 011 0821; A400 03 011 0920; A400 03 011 1019	A400 03 011 0722; A400 03 011 0821; A400 03 011 0920; A400 03 011 1019	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài cuộn: 5.0m. - Có các đường kính từ 0.7mm đến 1.0mm. - Xuất xứ: Châu Âu	Cuộn	200	9021	200.000	40.000.000
3.2			Đinh Kirschner	Đinh Kirschner hai đầu nhọn	A100 03 073 1012; A100 03 073 1212; A100 03 073 1429; A100 03 073 1512; A100 03 073 1629; A100 03 073 1812; A100 03 073 2012; A100 03 073 2212	A100 03 073 1012; A100 03 073 1212; A100 03 073 1429; A100 03 073 1512; A100 03 073 1629; A100 03 073 1812; A100 03 073 2012; A100 03 073 2212	2024 - 2025	TURKEY	AYSAM ORTOPEDI VE TIBBI ALETLER SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI	- Vật liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài: 310mm . - Có các đường kính từ 1.0mm đến 2.4mm. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	2000	9021	100.000	200.000.000
TỔNG CỘNG															6.956.900.000
<i>(Bảng chữ: Sáu tỷ, chín trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm nghìn đồng)</i>															